

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 22/11/2018

V/v: tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Diệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trước

2. Ông Lê Việt Hùng

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 22 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 373/2018/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2018, về việc: “*Tranh chấp ly hôn*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 247/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Hồng S**, sinh năm 1990

Địa chỉ: Số E, ấp A, xã Q, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ tạm trú: Ấp Đ, xã P, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số E, ấp A, xã Q, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03 tháng 5 năm 2018 nguyên đơn chị Lê Hồng S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị S và anh T tiến đến hôn nhân trên cơ sở quen biết, hai bên có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/5/2013. Sau khi kết

hôn thì vợ chồng đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh một thời gian, sau về thuê nhà buôn bán ở xã P, huyện Tam Bình. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 5/2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc, vợ chồng bất đồng ý kiến dẫn đến cự cãi và do anh T mâu thuẫn với gia đình Chị S nên vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, Chị S và anh T đã không còn sống chung từ tháng 6/2017 anh T đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Nay chị Lê Hồng S nhận thấy không còn tình cảm với anh Nguyễn Thanh T nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Lê P, sinh ngày 09/5/2017, hiện tại do Chị S đang nuôi dưỡng, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị S không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, Chị S không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Tòa án đã gửi thông báo thụ lý và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Nguyễn Thanh T đến Tòa án làm việc hai lần anh T không có ở nhà và người thân của anh T từ chối nhận văn bản tố tụng, đến ngày hòa giải anh T không đến và cũng không có ý kiến gửi cho Tòa án. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay:

Chị S vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T, vì chị cho rằng vợ chồng mâu thuẫn về tiền bạc dẫn đến thường xuyên cự cãi và do anh T có mâu thuẫn với gia đình của Chị S, nên chị không thể sống chung với anh T, Chị S nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh T không sửa đổi, nên tha thiết được ly hôn với anh T. Về nuôi con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Lê P, sinh ngày 09/5/2017, hiện tại do chị đang nuôi dưỡng, chị yêu cầu được nuôi con không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung chị không yêu cầu giải quyết.

Anh Nguyễn Thanh T vắng mặt phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Anh Nguyễn Thanh T đã được Tòa án triệu tập họp lệ hai lần đến Tòa án để mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T vẫn không đến Tòa án làm việc. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử triệu tập lần hai anh T đến Tòa án xét xử nhưng anh T vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2

Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử thống nhất giải quyết vắng mặt anh Nguyễn Thanh T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Hồng S và anh Nguyễn Thanh T kết hôn với nhau được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/5/2013 nên đây là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Xét về mâu thuẫn Chị S cho rằng anh T có mâu thuẫn với người thân của chị và cự cãi về vấn đề tiền bạc nên tháng 6/2017 anh T đã về nhà cha mẹ ruột sống, Chị S về nhà cha mẹ ruột chị sống. Tòa án đã triệu tập nhiều lần anh T đến Tòa án làm việc, anh T không đến Tòa án tham gia giải quyết và cũng không có bản khai ý kiến gì về việc Chị S yêu cầu ly hôn với anh, hiện tại Chị S và anh T đã không còn sống chung với nhau. Xét tình trạng hôn nhân của Chị S và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, không còn tình yêu thương chăm sóc lẫn nhau, hai người đã không còn ở chung một nhà, hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Lê Hồng S được ly hôn anh Nguyễn Thanh T là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2.] Về nuôi con chung:

Xét Chị S yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Lê P, sinh ngày 09/5/2017 là có cơ sở chấp nhận, vì hiện nay cháu P do Chị S nuôi dưỡng, cháu P hiện nay còn quá nhỏ. Căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 con dưới 36 tháng tuổi giao con cho mẹ được nuôi, xét bé Lê P còn quá nhỏ cần sự bảo bọc của mẹ, để không xáo trộn tinh thần của bé, nên Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Lê P, sinh ngày 09/5/2017 cho chị Lê Hồng S tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con:

Chị S không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Anh Nguyễn Thanh T có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản anh T thực hiện quyền này. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó được quy định tại Điều 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị S khai không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh T không tham dự phiên tòa, Vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết tài sản chung và nợ chung.

[2.6] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 179, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2017 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. *Xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Hồng S.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Hồng S được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

2/ Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Lê P, sinh ngày 09/5/2017 cho chị Lê Hồng S tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Thanh T có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản anh T thực hiện quyền này. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3/ Về cấp dưỡng nuôi con: Chị S không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4/ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5/ Về án phí: Buộc chị Lê Hồng S phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001776 ngày 22/8/2018 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, Chị S đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6/ Án xử sơ thẩm công khai, báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với người vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú của người vắng mặt ./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Long Hồ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND tỉnh Vĩnh Long
- THADS huyện Long Hồ
- Các đương sự; Lưu HSVA

Võ Thị Hồng Điệp

